

Bản án số: 243/2019/DS-PT.

Ngày: 06/8/2019.

*V/v “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

***Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy.
- *Các Thẩm phán:*
  - Ông Bùi Văn P
  - Ông Đinh Chí Tâm
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lê Thanh Mai - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.
- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:*  
Ông Lê Thành Biên - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 24/5, 19/7, 31/7 và 06/8/2019 tại Trụ sở tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2019/TLPT-DS ngày 24/01/2019 về việc “Tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản và Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng do tài sản bị xâm hại”;

Do bản án dân sự sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H Ngự bị kháng cáo và kháng nghị;

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 132/2019/QĐ-PT ngày 25 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đặng Thị Thanh H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: ấp A, xã B, thị xã H Ngự, Đồng Tháp.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn là ông Thái Quang Trí – Luật sư của văn phòng luật sư Đức Trí, thuộc đoàn luật sư thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Văn S, sinh năm 1990;

Địa chỉ: ấp Bình Hưng, xã Bình Thạnh, thị xã H Ngự, Đồng Tháp.

2. Chị Bùi Thị Như Y, sinh năm 1995;

Địa chỉ: ấp An Lộc, xã An Bình A, thị xã H Ngự, Đồng Tháp.

Chỗ ở hiện nay: ấp Tân Bảnh, xã Tân Phước, huyện Tân H, Đồng Tháp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1/ Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1969;

Địa chỉ: ấp Bình Hưng, xã Bình Thạnh, thị xã H Ngự, Đồng Tháp.

2/ Ông Cao Văn T, sinh năm 1960;

Địa chỉ: khóm An Thạnh A, phường An Lộc, thị xã H Ngự, Đồng Tháp.

3/ Anh Bùi Vũ P, sinh năm 1991;

Địa chỉ: ấp An Lộc, xã An Bình A, thị xã H Ngự, Đồng Tháp.

- Người kháng cáo: Bà Đặng Thị Thanh H là nguyên đơn trong vụ án.

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã H Ngự kháng nghị theo Quyết định Kháng nghị số 06/QĐKNPT-VKS-DS ngày 24/10/2018.

( Bà H, bà H, anh S, chị Ý có mặt; anh P, anh T vắng mặt tại phiên tòa)

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện ngày 12/3/2018 nguyên đơn bà Đặng Thị Thanh H trình bày: Vào ngày 08 tháng 8 năm 2017 bà có cho vợ cH chị Bùi Thị Như Ý và anh Nguyễn Văn S mượn số tiền là 79.400.000 đồng và lãnh nợ tiềnhui giùm cho chị Ý và anh S là 29.000.000 đồng, tổng cộng là 108.400.000 đồng. Sau đó chị Ý và anh S ly hôn. Khi ly hôn, anh S, chị Ý có hứa sẽ trả cho bà số tiền còn nợ là 108.400.000 đồng, nhưng đến nay đã gần 07 tháng mà chị Ý và anh S chưa trả mà chỉ hứa hẹn nhiều lần. Anh S có gửi lại cho bà giữ tạm chiếc xe tải nhỏ 08 tấn, nhưng anh S giữ giấy tờ xe nên xe không hoạt động được, bà có yêu cầu anh S giao giấy tờ xe cho bà để bà cho xe hoạt động kiếm tiền và xe sẽ không bị rỉ sét, nhưng anh S không đồng ý. Chiếc xe mua năm 2016 với giá 50.000.000đ, nay bà thống nhất thỏa thuận giá trị còn lại của chiếc xe tải là 35.000.000đ, không yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá. Nay bà H yêu cầu chị Bùi Thị Như Ý và anh Nguyễn Văn S liên đới trách nhiệm trả cho bà số tiền còn nợ là 108.400.000 đồng.

Đối với yêu cầu phản tố của anh S yêu cầu bà trả lại cho anh S chiếc xe tải biển số 67L-6791 nhãn hiệu JINBEI màu xanh và bồi thường thiệt hại 43.200.000đ thì bà không thống nhất. Bà đồng ý trả lại cho chị Ý và anh S chiếc xe tải mà bà đang giữ nếu như anh S và chị Ý trả hết nợ cho bà.

- *Bị đơn anh Nguyễn Văn S trình bày:* Vào năm 2012 anh và chị Bùi Thị Như Ý (con bà Đặng Thị Thanh H) kết hôn với nhau, nhưng đến ngày 29/9/2017 thì anh và chị Ý ly hôn. Trong thời gian anh và chị Ý sống chung với nhau có mượn của bà H số tiền 40.000.000đ, sau đó bà H cộng vào tiềnhui mà vợ cH

anh còn thiếu và cộng với tiền vàng mà bà H mua cho vợ anh đeo tổng cộng là 108.400.000 đồng. Đến ngày 05/9/2017 mẹ ruột anh là bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng nền nhà với giá là 150.000.000đ cho bà H, bà H đưa lại cho mẹ anh 50.000.000đ, còn lại 100.000.000đ thỏa thuận miệng trừ số nợ 108.400.000đ, vợ cH anh còn thiếu lại bà H 8.400.000đ. Nhưng đến ngày 03/11/2017 bà H đến nhà anh lấy chiếc xe tải của anh biển số 67L.6791 trọng tải 800kg trị giá là 46.000.000đ để trừ nợ còn thiếu là 8.400.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H yêu cầu anh và chị Ý liên đới trả lại cho bà số tiền 108.400.000 đồng thì anh không thống nhất. Anh thống nhất thỏa thuận giá trị còn lại của chiếc xe tải là 35.000.000đ, anh không yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá.

Anh phản tố yêu cầu bà Đặng Thị Thanh H trả lại cho anh chiếc xe tải biển số 67L.6791 nhãn hiệu JINBEI màu xanh và yêu cầu bà H phải trả lại số tiền mà anh thuê xe mỗi ngày là 300.000đ kể từ ngày 03/11/2017 đến ngày 27/3/2018 là 144 ngày với số tiền là 43.200.000 đồng.

- *Bị đơn chị Bùi Thị Như Ý trình bày:* Vào năm 2012 chị và anh Nguyễn Văn S cưới nhau, trong thời gian chung sống vợ cH có mượn của mẹ ruột chị là bà Đặng Thị Thanh H số tiền 108.400.000 đồng và vợ cH chị có tài sản chung là 01 chiếc xe tải nhỏ trọng tải 800kg, trị giá là 50.000.000đ. Đối với yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H yêu cầu chị và anh S trả số tiền 108.400.000 đồng, nếu anh S lấy lại xe thì chị tự nguyện thống nhất cùng anh S trả cho bà Đặng Thị Thanh H mỗi người một nửa là 54.200.000đ, còn nếu anh S không lấy xe lại thì trừ giá trị xe là 35.000.000đ theo thỏa thuận giá, còn lại 73.400.000đ, chị đồng ý cùng anh S chịu mỗi người một nửa là 36.700.000đ trả cho bà H. Chị thống nhất thỏa thuận giá trị còn lại của chiếc xe tải là 35.000.000đ, chị không yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:* Vào tháng 7/2017 âm lịch bà và bà Đặng Thị Thanh H, anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Như Ý thỏa thuận S nhượng nền nhà do bà đứng tên trị giá 150.000.000đ cho bà H để trừ số tiền anh S và chị Ý còn nợ là 108.400.000đ, bà H trừ 100.000.000đ bà H hoàn lại cho bà 50.000.000đ, vậy anh S và chị Ý chỉ còn nợ lại bà H 8.400.000đ. Trong vụ kiện này bà không có yêu cầu độc lập, nhưng bà có ý kiến yêu cầu khấu trừ số tiền 100.000.000đ từ số tiền mua nền nhà mà Bùi Vũ P đứng tên vào số tiền 108.400.000đ mà vợ cH S, Ý nợ bà H. Vì bà đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất để trả nợ cho bà H dùm cho S. Nay S và chị Ý chỉ còn nợ của bà H số tiền là 8.400.000đ. Bà H cam kết không có tranh chấp hay yêu cầu gì từ nay đến khi kết thúc vụ kiện. Bà thống nhất thỏa thuận

giá trị còn lại của chiếc xe tải là 35.000.000đ, bà không yêu cầu Tòa án thành lập hội đồng định giá.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn T vắng mặt nhưng bản khai thể hiện ý kiến như sau:* Vào ngày 19/11/2015 ông có bán cho anh Nguyễn Văn S một chiếc xe tải nhỏ hiệu JINBEI màu xanh, biển kiểm soát 67L-6791 do ông Dương Văn Chiến đứng tên. Xe này ông mua của ông Dương Văn Chiến vào đầu năm 2015 thông qua cò xe ở Châu Đốc không nhớ tên, không rõ ông Chiến ở đâu mua theo dạng mua đứt bán đoạn không ai có nghĩa vụ gì với ai sau khi giao nH xe và trả tiền. Sau khi mua xe ông sử dụng được vài tháng thì bán lại cho anh Nguyễn Văn S giá 46.000.000đ, hình thức mua bán cũng như khi ông mua bán với ông Chiến. Hai bên làm giấy tay, ông giao giấy tờ xe mang tên Dương Văn Chiến cho anh S, anh S trả tiền cho ông, không ai còn nghĩa vụ với ai. Khi mua xe thì cả vợ cH anh S cùng đi, nhưng khi làm giấy thì chỉ có một mình anh S, vì không ra công chứng nên không cần hai vợ cH ký tên. Giữa ông và người cò xe bên Châu Đốc mua bán với nhau đã lâu, không còn quan hệ, không biết ông ấy ở đâu, không còn nghĩa vụ với nhau và giữa ông và anh S mua bán đã lâu, không ai còn nghĩa vụ với ai. Cho nên, ông không còn quyền lợi hay nghĩa vụ gì trong chiếc xe này. Việc tranh chấp giữa anh S với ai trong gia đình thì ông không biết, nên ông không có ý kiến hay yêu cầu gì trong vụ án này. Do đó ông xin vắng mặt tại Tòa án từ đây đến khi kết thúc vụ án.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Bùi Vũ P trình bày:* Anh là con của bà Đặng Thị Thanh H, trước đây anh có S nhượng phần đất của bà H chiều ngang 5m, chiều dài 25m với giá là 150.000.000đ, anh đã giao tiền đầy đủ cho bà H, khi giao tiền, thì không làm giấy tờ, không ai chứng kiến, bà H cũng đã S tên giấy chứng nH quyền sử dụng đất cho anh xong. Việc S nhượng nền nhà giữa anh và bà H anh chỉ là người ký tên trong hợp đồng, còn mọi thỏa thuận mua bán là do mẹ anh trực tiếp với bà H, nên nhà không có liên quan gì đến số nợ mẹ anh yêu cầu anh S và chị Ý trả, anh cũng không biết việc nợ tiền của anh S và chị Ý. Anh không có tranh chấp hay yêu cầu gì với ai trong vụ án này từ nay cho đến khi kết thúc vụ kiện, ngoài ra anh không trình bày gì thêm.

Tại quyết định của bản án sơ thẩm số 36/2018/DS-ST ngày 16/10/2018, Toà án nhân dân thị xã H Ngự đã tuyên xử:

1. Chấp nH một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H.

- Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Như Ý phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Thanh H số tiền 8.400.000 đồng. Trong đó, anh Nguyễn Văn S trả 4.200.000 đồng, chị Bùi Thị Như Ý trả 4.200.000 đồng.

## 2. Chấp nh yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn S.

- Buộc bà Đặng Thị Thanh H có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn S một chiếc xe loại xe tải nhỏ, biển số 67L-6791, nhãn hiệu JINBEI màu xanh, số máy QC480Q (DI) Q6060680D, số khung LSYC3GM916H049983, do ông Dương Văn Chiến đứng tên trong giấy đăng ký xe (giấy xe hiện do anh Nguyễn Văn S quản lý).

- Buộc bà Đặng Thị Thanh H có trách nhiệm bồi thường cho anh Nguyễn Văn S số tiền thuê xe là 43.200.000 đồng.

3. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

## 4. Về án phí:

+ Buộc bà Đặng Thị Thanh H phải nộp 8.910.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.710.000đ theo biên lai số 02562 ngày 15/3/2018, bà H còn phải nộp tiếp số tiền 6.200.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Ngự.

+ Anh Nguyễn Văn S phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp 1.080.000đ theo biên lai số 02632 ngày 23/4/2018, anh S được nh lại số tiền 780.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Ngự.

+ Chị Bùi Thị Như Ý phải nộp 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên quyền và thời hạn kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm;

- Ngày 23/10/2018, bà Đặng Thị Thanh H kháng cáo không đồng ý bản án sơ thẩm, yêu cầu tòa án cấp phúc thẩm giải quyết buộc Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Như Ý phải trả lại cho bà số tiền là 108.400.000 đồng, không đồng ý trừ vào số tiền mua bán đất của bà H và Bùi Vũ P và bà không đồng ý bồi thường cho Nguyễn Văn S số tiền 43.000.000 đồng.

- Ngày 24/10/2018, Viện kiểm sát nhân dân thị xã H Ngự kháng nghị một phần bản án sơ thẩm; đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nH toàn bộ yêu cầu khởi kiện và kháng cáo của bà H.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo; đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H Ngự.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghe ý kiến của các đương sự và quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

### **NH ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Xét kháng cáo của bà Đặng Thị Thanh H, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Đặng Thị Thanh H yêu cầu anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Như Ý trả cho bà số tiền còn nợ là 108.400.000 đồng theo biên nH ngày 08/8/2017 mà anh S và chị Ý đã ký nH với bà. Anh S và chị Ý cũng thừa nH trước đây có nợ bà H số tiền trên và có viết biên nH nói trên với bà H, nhưng anh S thì cho rằng đã trả cho bà H 100.000.000 đồng bằng cách mẹ anh là bà Nguyễn Thị H chuyển nhượng nền nhà cho bà H giá 150.000.000 đồng, bà H đưa lại cho bà H 50.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng trừ vào tiền nợ nói trên, nên anh và chị Ý chỉ còn nợ bà H 8.400.000 đồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bà H khẳng định việc thỏa thuận S nhượng nền nhà là do bà H trực tiếp thỏa thuận với bà, còn anh Vũ P (con bà H) chỉ đứng tên chuyển nhượng đất và khi trả tiền thì bà với bà H cùng bà đến tiệm vàng Kim Lũy ở thị xã H Ngự, tại đây bà H đưa cho bà 50.000.000 đồng để bà mua vàng, còn 100.000.000 đồng còn lại thì hai bên thỏa thuận trừ vào số nợ của anh S và chị Ý. Mặc dù bà H không thừa nH có việc thỏa thuận trừ 100.000.000 đồng tiền chuyển nhượng nền nhà vào số nợ của anh S và chị Ý, nhưng thực tế thì bà H có mua nền nhà của bà H cho con bà là Vũ P đứng tên là có thật, mọi giao dịch với bà H đều do bà H trực tiếp thực hiện, anh Vũ P chỉ là người đứng tên trong hợp đồng chuyển nhượng, điều này cũng được Vũ P thừa nH, đồng thời anh Vũ P cho rằng khi nH chuyển nhượng nền nhà từ bà H thì anh là người trực tiếp đưa số tiền 150.000.000đ cho bà H, nhưng không ai chứng kiến và anh Vũ P cũng không có chứng cứ để chứng minh. Tại biên bản lấy lời khai ngày 17/9/2018 thì anh Vũ P cũng khẳng định phần đất nền nhà anh đứng tên là do bà H mua cho anh để anh ra ở riêng. Do đó, việc anh Vũ P cho rằng anh

là người trả tiền chuyển nhượng đất cho bà H và nguồn tiền đó là của anh là không có cơ sở và mâu thuẫn.

Mặt khác, căn cứ các lời khai của người làm chứng là bà Hổ, là chủ tiệm vàng Kim Lũy đều xác định có việc bà H cùng bà H đến tiệm vàng của bà để mua vàng vào ngày rằm tháng Bảy năm 2017, nhưng bà H lại phủ nh việc có cùng bà H đến tiệm vàng của bà Hổ, điều này cũng chứng tỏ bà H không trung thực và xác định lời khai của bà H là có thật về việc bà H là người thỏa thuận và trực tiếp trả tiền chuyển nhượng đất với bà H, anh Vũ P chỉ đứng tên trên hợp đồng và quyền sử dụng đất.

Do đó, lời trình bày của anh S và bà H về việc bà H và bà H thỏa thuận cần trừ 100.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất vào số nợ 108.400.000 đồng của anh S, chị Ý đối với bà H là có căn cứ. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chỉ chấp nh một phần yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh S và chị Ý mỗi người phải có nghĩa vụ trả cho bà H 4.200.000 đồng là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, bà H cũng không xuất trình được chứng cứ gì khác để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của mình là có căn cứ nên Hội đồng xét xử không chấp nh yêu cầu kháng cáo của bà H về nội dung này.

Tuy nhiên, đối với số tiền bồi thường thiệt hại 43.200.000đ, Hội đồng xét xử xét thấy: chiếc xe tải biển số 67L-6791 nhãn hiệu JINBEI màu xanh là của anh S, chị Như Ý và việc bà H đang quản lý chiếc xe này là thật, nhưng tại thời điểm bà H giữ chiếc xe này thì anh S, chị Ý vẫn còn nợ đối với bà H; căn cứ lời trình bày của anh Trần Văn Nu tại biên bản lấy lời khai ngày 02/6/2019 thì anh Nu xác định anh được bà H nhờ đến nhà anh S để lấy chiếc xe này để giữ chân số nợ và khi anh đến nhà anh S để lấy xe thì anh S cũng đồng ý mặc dù có thái độ giận dỗi đối với bà H; mặt khác, từ thời điểm anh Nu đến lấy xe về cho bà H đến nay anh S không hề có tranh chấp hay khiếu nại gì đối với bà H, đã chứng tỏ ý chí của anh S cũng đồng ý việc để cho bà H giữ xe của anh, nên bà H không có lỗi và như vậy việc cho dù anh có thuê xe khác để sinh hoạt, hoạt động kinh doanh gì thì đó là việc của cá nhân anh, bà H không có nghĩa vụ bồi thường. Do đó, nội dung kháng cáo này của bà H là có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nh.

Đối với yêu cầu phản tố của anh S, yêu cầu bà H phải giao trả lại cho anh chiếc xe tải biển số 67L-6791 nhãn hiệu JINBEI, thì đây là xe của anh S, mặc dù việc bà H giữ xe thì anh S biết và đồng ý nhưng mục đích giữ xe của bà H chỉ là gây ra khó khăn để anh S trả tiền cho bà H và lấy xe về; đây không phải là thỏa thuận về cầm cố tài sản, nên việc giữ xe của bà H như trên là không phù hợp pháp luật, và vì vậy việc anh S yêu cầu bà H phải trả lại xe cho anh là có căn cứ, và Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử chấp nh yêu cầu của anh S là đúng pháp luật.

[2] Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bà H trình bày: việc anh S, chị Ý nợ bà H số tiền 108.400.000 đồng là có thật, không đồng ý khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng mua bán đất với bà H nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nH yêu cầu của nguyên đơn. Đối với số tiền bồi thường thiệt hại 43.200.000 đồng thì bà H không đồng ý bồi thường. Xét lời đề nghị của luật sư là có căn cứ một phần như nH định nêu trên.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H Ngự cũng như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tại phiên tòa phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử sửa sơ thẩm theo hướng chấp nH toàn bộ yêu cầu khởi kiện cũng như kháng cáo của bà H vì không chấp nH việc cản trở 100.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất giữa bà H với bà H vào số nợ 108.400.000 đồng của anh S, chị Ý đối với bà H, xét thấy căn cứ và đề nghị như trên của Viện kiểm sát là chưa phù hợp theo như nH định trên, nên Hội đồng xét xử không chấp nH.

[4] Xét tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu việc tuân thủ pháp luật từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đều thực hiện đúng quy định của pháp luật và không có kiến nghị gì về thủ tục tố tụng. Về nội dung vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp vẫn giữ nguyên kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện H Ngự là đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện H Ngự theo hướng chấp nH yêu cầu khởi kiện của bà H, buộc anh S và chị Ý mỗi người phải có trách nhiệm trả cho bà H số tiền là 54.200.000 đồng và không chấp nH yêu cầu của anh S yêu cầu bà H bồi thường thiệt hại số tiền là 43.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy nội dung kháng nghị và đề nghị trên thì nội dung kháng nghị về phần bồi thường thiệt hại là có căn cứ, nên chấp nH, còn đối với đề nghị về số tiền 100.000.000 đồng là không có căn cứ theo như nH định trên, nên không chấp nH.

[5] Vì vậy, Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm.

[6] Về án phí sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí sơ thẩm được xác định lại cho phù hợp, theo đó, do yêu cầu khởi kiện của bà H được chấp nH nên anh S và chị Ý phải chịu án phí sơ thẩm; yêu cầu phản tố của anh S không được chấp nH thì anh S phải chịu án phí sơ thẩm theo luật định.

[7] Về án phí phúc thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên bà H không phải chịu.

[8] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 148 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 166, Điều 584, Điều 589 Bộ Luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

### **Tuyên xử:**

- Chấp nH một phần kháng cáo của bà Đặng Thị Thanh H.
- Chấp nH một phần kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã H Ngự.
- Sửa bản án sơ thẩm số 36/2018/DS-ST, ngày 16/10/2018 của Tòa án nhân dân thị xã H Ngự.

1. Chấp nH một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị Thanh H.

- Buộc anh Nguyễn Văn S và chị Bùi Thị Như Ý phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà Đặng Thị Thanh H số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm ngàn đồng). Trong đó, anh Nguyễn Văn S trả 4.200.000đ, chị Bùi Thị Như Ý trả 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm ngàn đồng).

2. Chấp nH một phần yêu cầu phản tố của anh Nguyễn Văn S.

- Buộc bà Đặng Thị Thanh H có trách nhiệm trả lại cho anh Nguyễn Văn S một chiếc xe loại xe tải nhỏ, biển số 67L-6791, nhãn hiệu JINBEI màu xanh, số máy QC480Q (DI) Q6060680D, số khung LSYC3GM916H049983, do ông Dương Văn Chiến đứng tên trong giấy đăng ký xe (giấy xe hiện do anh Nguyễn Văn S quản lý).

(kèm theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 26/6/2019 của Tòa án thị xã H Ngự)

- Không chấp nH yêu cầu của anh Nguyễn Văn S về việc yêu cầu bà Đặng Thị Thanh H có trách nhiệm bồi thường thiệt hại số tiền thuê xe là 43.200.000đ (Bốn mươi ba triệu hai trăm ngàn đồng).

3. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Bà Đặng Thị Thanh H phải chịu 5.000.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 2.710.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02562 ngày 15/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Ngự, nên bà H còn phải nộp tiếp 2.290.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Nguyễn Văn S phải chịu 2.370.000 đồng, nhưng được khấu trừ vào 1.080.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 02632 ngày 23/4/2018, nên anh S còn phải nộp tiếp 1.290.000 đồng án phí sơ thẩm.

+ Chị Bùi Thị Như Ý phải chịu 300.000 đồng.

5. Về án phí phúc thẩm: Bà Đặng Thị Thanh H không phải chịu nên được nH lại 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo biên lai số 0005288 ngày 24/10/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã H Ngự.

- Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nH:**

- Phòng GD & KT TAND Tỉnh;
- VKSND Tỉnh;
- TAND thị xã H Ngự;
- Chi cục THADS thị xã H Ngự;
- Dương sự;
- Lưu: VT, HSVA, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Huỳnh Thị Hương Thủy**